

Bản án số: 52/2023/DS-ST

Ngày 27 – 3 – 2023

V/v tranh chấp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM D, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Ph - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực

Ông Tạ Thanh Bự

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Chí Đệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm D xét xử sơ thẩm công KH vụ án thụ lý số: 38/2023/TLST-DS ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2023/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Bé H, sinh năm 1975; cư trú tại: ấp Ngã B, xã Trần Ph, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông Lê Văn Nh, cư trú tại: ấp Ngã B, xã Trần Ph, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2. Bà Trần Thị M, cư trú tại: ấp Ngã B, xã Trần Ph, huyện Đàm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Trần Thị Bé H trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Chị M và anh Nh có tham gia hui do chị H là chủ, cụ thể như sau:

- Dây hui thứ nhất: Mở ngày 10/8/2018, loại hui 1.000.000 đồng, tháng khui 1 lần, gồm 22 chung, anh Nh và chị M có tham gia 01 chung, hui đến nay đã mãn. Quá trình tham gia ở kỳ mở hui thứ 7 thì hốt hui, số tiền hốt hui là 16.350.000 đồng, sau đó có đóng được 13 kỳ hui chết, còn nợ 9 kỳ bằng

9.000.000 đồng.

- Dãy hội thứ hai: Mở ngày 30/01/2019, loại hội 1.000.000 đồng, tháng khui 1 lần, gồm 33 chung, anh Nh và chị M có tham gia 01 chung, hội đến nay đã mãn. Quá trình tham gia ở kỳ mở hội thứ 02 thì hết hội, số tiền hết hội là 21.700.000 đồng, sau đó có đóng được 06 kỳ hội chết, còn nợ 27 kỳ bằng 27.000.000 đồng.

Tổng số tiền hội còn nợ là 36.000.000 đồng, tính đến ngày 06/8/2022a1 thì anh Nh và chị M có thanh toán 1 phần là 13.500.000 đồng, còn nợ 22.500.000 đồng.

Nay chị H yêu cầu anh Nh và chị M trả số tiền hội còn nợ là 22.500.000 đồng.

* *Đối với bị đơn anh Lê Văn Nh và chị Trần Thị M:* Mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ về Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của chị H nhưng anh Nh và chị M không có ý kiến gì và cũng không tham gia hòa giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Bé H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; anh Lê Văn Nh và chị Trần Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

Chị Trần Thị Bé H khởi kiện yêu cầu ông anh Lê Văn Nh và chị Trần Thị M trả số tiền hội là vụ kiện tranh chấp hội, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì có căn cứ xác định thực tế anh Nh và chị M có tham gia hội do chị H làm chủ. Về loại hội, số chung hội tham gia như chị H trình bày nêu trên. Quá trình tham gia hội anh Nh và chị M đã hết hội nhưng đóng hội chết không đầy đủ. Vào ngày 23/9/2020, chị H có yêu cầu địa phương giải quyết, chị M có tham gia và có đem theo 7.000.000 đồng để đóng hội cho chị H, hẹn sẽ trả 3.000.000 đồng vào vào 20/10/2020 a1, phần còn lại cứ đúng ngày 20 hàng tháng sẽ đóng 3.000.000 đồng.

Xét thấy, tại thời điểm chị H yêu cầu địa phương giải quyết tranh chấp là hội chưa mãn. Tính từ khi anh Nh và chị M đóng hội chết không đầy đủ đến ngày chị H khởi kiện thì số tiền anh Nh và chị M còn nợ là 22.500.000 đồng. Dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Nh và chị M không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của chị H và không có thiện chí phối hợp với Tòa án để giải quyết vụ án. Như vậy, nội dung và yêu cầu khởi kiện của chị H thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về nghĩa vụ trả nợ: Các dây hụi này phát sinh trong thời gian anh Nh và chị M còn tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp nên chị H khởi kiện yêu cầu anh Nh và chị M cùng có trách nhiệm trả số tiền hụi 22.500.000 đồng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Nh và chị M phải chịu: 22.500.000 đồng x 5% = 1.125.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 471 Bộ luật Dân sự; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Bé H.

Buộc anh Lê Văn Nh và chị Trần Thị M trả cho chị Trần Thị Bé H số tiền 22.500.000 đồng (H mươi H triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của chị H cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, thì hàng tháng anh Nh và chị M còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Lê Văn Nh và chị Trần Thị M phải chịu 1.125.000 đồng (một triệu một trăm H mươi lăm nghìn đồng).

- Chị Trần Thị Bé H không phải chịu. Hoàn trả lại cho chị H số tiền 563.000 đồng (năm trăm sáu mươi ba nghìn đồng) đã nộp tạm ứng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013608 ngày 07/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn được tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PH – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Huỳnh Ngọc Mai

